

Stt	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Kí tên	Điểm Đọc		Điểm Viết		Điểm Nghe		Ghi chú
							= số	= chữ	= số	= chữ	= số	= chữ	
47	501230481	Ngô Thị Kim	Uyên	14/11/2003									
48	501230319	Nguyễn Hùng	Vĩ	23/12/2005									
49	514240407	Thái Bá Sông	Vinh	15/09/2006									
50	513230359	Trần Công	Vinh	26/12/2005									
51	501230369	Trịnh Văn	Vũ	11/11/2005									
52	507240310	Lý Thị Kim	Vy	16/08/2006									

Tổng số sinh viên : 52

Số có mặt :

Số bài thi :

Số vắng mặt :

Số giấy thi :

Giám thị 1
(Họ tên và chữ ký)

Giáo viên chấm bài 1
(Họ tên và chữ ký)

Giám thị 2
(Họ tên và chữ ký)

Giáo viên chấm bài 2
(Họ tên và chữ ký)

Ngày Tháng Năm

KHOA

Stt	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Kí tên	Điểm Đọc		Điểm Viết		Điểm Nghe		Ghi chú
						= số	= chữ	= số	= chữ	= số	= chữ	

Stt	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Kí tên	Điểm Đọc		Điểm Viết		Điểm Nghe		Ghi chú
							= số	= chữ	= số	= chữ	= số	= chữ	
37	510240220	Nguyễn Gia	Phát	26/12/2006									
38	501240344	Trần Trung	Phát	06/08/2006									
39	501230444	Nguyễn Minh	Phú	28/01/2005									
40	801230008	Nguyễn Lâm	Phúc	27/10/1992									
41	510240118	Trương Văn Hoàng	Phúc	15/10/2006									
42	601240035	Tôn Thất	Quang	15/11/2007									
43	510240197	Trương Phạm Ngọc	Quyên	18/07/2004									
44	501240313	Ngô Nguyễn Chí	Tâm	16/07/2006									
45	513240336	Nguyễn Minh Việt	Tâm	30/07/1999									
46	501240431	Trương Thiều	Thiên	01/10/2006									
47	510230516	Võ Phạm Mỹ	Tiên	15/09/2004									
48	501240037	Lê Ngọc Phương	Trình	08/01/2001									
49	501240271	Nguyễn Minh	Trường	09/08/2006									
50	508230133	Phạm Kiều Cẩm	Tú	16/10/2005									
51	513240276	Nguyễn Thị Thanh	Xuyên	17/11/2005									
52	511240143	Đặng Huỳnh Như	Ý	26/12/2006									

Tổng số sinh viên : 52

Số có mặt :

Số bài thi :

Số vắng mặt :

Số giấy thi :

Giám thị 1
(Họ tên và chữ ký)

Giáo viên chấm bài 1
(Họ tên và chữ ký)

Stt	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Kí tên	Điểm Đọc		Điểm Viết		Điểm Nghe		Ghi chú
						= số	= chữ	= số	= chữ	= số	= chữ	

Giám thị 2
(Họ tên và chữ ký)

Giáo viên chấm bài 2
(Họ tên và chữ ký)

Ngày Tháng Năm
KHOA

DANH SÁCH HSSV KIỂM TRA ANH VĂN ĐẦU RA

Học phần: Tiếng Anh Đầu Ra

Đợt thi: 1 - năm 2026

Ngày thi: 03/04/2026

Khoa: Đại cương

Phần thi: Vấn đáp

Thời gian: 10 phút/HSSV

Phòng thi: A.401

Stt	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Kí tên	Điểm Nói		Ghi chú
							= số	= chữ	
1	501230428	Nguyễn Hoài	Anh	20/08/2005					
2	510230366	Nguyễn Gia	Bảo	21/04/2005					
3	501230249	Nguyễn Văn	Bình	13/08/2005					
4	501230645	Phạm Anh	Cơ	28/07/2001					
5	501240353	Trần Tuấn	Đạt	16/11/2006					
6	510230191	Nguyễn Đình	Duân	22/07/2005					
7	518230614	Phạm Thị Bạch	Dương	20/09/2005					
8	501240172	Bùi Nguyễn Trường	Duy	03/08/2006					
9	801230028	Lê Thành	Hiệp	07/09/2007					
10	518240198	Nguyễn Thái	Hiếu	07/11/2006					
11	512240009	Đào Nhật	Hung	18/08/2004					
12	501240371	Phạm Quốc	Huy	13/08/2003					
13	501230331	Huỳnh Trần Tiến	Khải	27/11/2005					
14	510230433	Huỳnh Minh	Khôi	18/01/2003					
15	501240282	Trần Minh	Khôi	24/01/2006					
16	501230414	Dương Tấn	Kiệt	19/07/2004					
17	501240193	Nguyễn Trần Gia	Kiệt	12/10/2006					
18	501240068	Nguyễn Tuấn	Kiệt	24/01/2006					
19	501230350	Trần Hồ Anh	Kiệt	24/04/2005					
20	501230506	Triệu Khánh	Lâm	20/10/2005					
21	501240007	Nguyễn Đức	Lập	29/09/2002					
22	501230184	Bùi Hữu	Lộc	28/05/2005					
23	601250029	Nguyễn Thành	Luân	26/04/2004					
24	512240010	Lâm Bội	Nghi	27/10/2004					
25	510240112	Hồ Duy	Ngọc	09/01/2006					
26	513230468	Huỳnh Nguyễn Khánh	Ngọc	07/10/2005					
27	517240145	Hoàng Chí	Nhân	11/04/2005					
28	508240308	Nguyễn Đỗ Yến	Nhi	22/10/2006					
29	501240305	Bùi Minh	Nhật	16/07/2006					
30	501240194	Hà Thiện	Phú	14/12/2006					
31	501240131	Phan Hữu	Phước	28/12/2006					
32	507240030	Lê Duy	Phương	15/09/1998					

Stt	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Kí tên	Điểm Nói		Ghi chú
							= số	= chữ	
33	511240169	Nguyễn Phước	Sang	17/02/2005					
34	501250083	Âu Lê Thành	Tài	30/03/2002					
35	501240100	Nguyễn Phan Đại	Thắng	07/07/2006					
36	514240006	Lâm Hưng	Thịnh	24/01/2003					
37	501240248	Nguyễn Hoàng	Thông	21/10/2005					
38	507240029	Nguyễn Trí	Thông	26/01/2002					
39	501230018	Lê Hoàng Minh	Thư	23/11/2004					
40	512240181	Nguyễn Như Diệu	Thùy	09/11/2006					
41	501240028	Trương Minh	Tiến	11/10/2001					
42	501240016	Nguyễn Trọng	Tính	10/11/2004					
43	513230467	Ngô Thị Minh	Trâm	13/03/2005					
44	501240037	Lê Ngọc Phương	Trình	08/01/2001					
45	514240156	Nguyễn Thành	Trung	02/08/2006					
46	501240140	Đình Văn	Truyền	27/10/2006					
47	510240230	Phan Gia	Tuệ	05/10/2006					
48	501230481	Ngô Thị Kim	Uyên	14/11/2003					
49	501230319	Nguyễn Hùng	Vĩ	23/12/2005					
50	514240407	Thái Bá Sông	Vinh	15/09/2006					
51	513230359	Trần Công	Vinh	26/12/2005					
52	501230369	Trịnh Văn	Vũ	11/11/2005					
53	507240310	Lý Thị Kim	Vy	16/08/2006					
54	511240143	Đặng Huỳnh Như	Ý	26/12/2006					

Tổng số sinh viên : **54**

Số có mặt :

Số bài thi :

Số vắng mặt :

Số giấy thi :

Giám thị 1
(Họ tên và chữ ký)

Giáo viên chấm bài 1
(Họ tên và chữ ký)

Giám thị 2
(Họ tên và chữ ký)

Giáo viên chấm bài 2
(Họ tên và chữ ký)

Ngày Tháng Năm

KHOA

DANH SÁCH HSSV KIỂM TRA ANH VĂN ĐẦU RA

Học phần: Tiếng Anh Đầu Ra

Đợt thi: 1 - năm 2026

Ngày thi: 03/04/2026

Khoa: Đại cương

Phần thi: Vấn đáp

Thời gian: 10 phút/HSSV

Phòng thi: A.402

Stt	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Kí tên	Điểm Nói		Ghi chú
							= số	= chữ	
1	501240343	Nguyễn Quốc	Anh	26/12/2006					
2	510240153	Trần Ngọc	Anh	23/02/2006					
3	513240094	Phạm Quốc	Bảo	17/07/2006					
4	512230050	Nguyễn Minh	Chính	08/03/2001					
5	501240041	Lê Minh	Đức	19/04/1999					
6	501240101	Nguyễn Minh	Đức	22/04/2006					
7	517240018	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	09/05/2005					
8	501240176	Nguyễn Xuân	Dương	08/01/2006					
9	512240008	Vũ Tùng	Dương	04/11/2005					
10	510240278	Huỳnh Nguyễn Bảo	Duyên	15/06/2006					
11	510240175	Trần Cao Kỳ	Duyên	18/04/2006					
12	501230644	Đoàn Minh	Hiếu	29/01/2001					
13	501230270	Thái Huỳnh Trung	Hiếu	30/10/2005					
14	512230636	Lê Khánh	Hoà	07/01/1999					
15	506240056	Tạ Văn	Hưng	26/09/2004					
16	513230178	Nguyễn Thị Mỹ	Hường	25/08/2004					
17	501240105	Hứa Thành	Huy	20/09/2006					
18	506230215	Tôn Thất Tuấn	Huy	16/07/1998					
19	501240039	Huỳnh	Khải	14/08/1999					
20	502240065	Hoàng Vĩnh	Khang	30/04/2002					
21	501240267	Lê Tuấn	Khang	07/09/2006					
22	501240303	Trương Phúc	Khang	23/06/2005					
23	501240160	Nguyễn Đăng	Khôi	12/09/2006					
24	510230164	Trương Võ Tuấn	Kiệt	06/08/2003					
25	501240236	Hồ Thị Thúy	Kiều	15/12/2006					
26	501230094	Nguyễn Phạm Hoàng	Lam	29/12/2003					
27	501240339	Đỗ Nguyễn Thành	Lộc	07/11/2006					
28	513240399	Nguyễn Thị Thu	Mai	12/08/2006					
29	513240385	Trần Thị Hồng	Na	13/09/2001					
30	510230111	Nguyễn Hoàng	Nam	29/06/2005					
31	601250006	Võ Hoàng	Nam	31/10/2005					
32	510240121	Hoàng Trọng	Nghĩa	15/11/2006					

Stt	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Kí tên	Điểm Nói		Ghi chú
							= số	= chữ	
33	510240250	Lâm Hồng	Nhật	12/03/2006					
34	510230345	Nguyễn Hoàng	Oanh	25/01/2005					
35	501220386	Liu Hin	Phát	11/12/2003					
36	506240378	Mai Cao	Phát	14/12/2006					
37	510240220	Nguyễn Gia	Phát	26/12/2006					
38	501240344	Trần Trung	Phát	06/08/2006					
39	501230444	Nguyễn Minh	Phú	28/01/2005					
40	801230008	Nguyễn Lâm	Phúc	27/10/1992					
41	510240118	Trương Văn Hoàng	Phúc	15/10/2006					
42	601240035	Tôn Thất	Quang	15/11/2007					
43	510240197	Trương Phạm Ngọc	Quyên	18/07/2004					
44	501240313	Ngô Nguyễn Chí	Tâm	16/07/2006					
45	513240336	Nguyễn Minh Viết	Tâm	30/07/1999					
46	501240431	Trương Thiệu	Thiên	01/10/2006					
47	510230516	Võ Phạm Mỹ	Tiên	15/09/2004					
48	501240271	Nguyễn Minh	Trùng	09/08/2006					
49	508230133	Phạm Kiều Cẩm	Tú	16/10/2005					
50	513240276	Nguyễn Thị Thanh	Xuyên	17/11/2005					

Tổng số sinh viên : 50

Số có mặt :

Số bài thi :

Số vắng mặt :

Số giấy thi :

Giám thị 1
(Họ tên và chữ ký)

Giáo viên chấm bài 1
(Họ tên và chữ ký)

Giám thị 2
(Họ tên và chữ ký)

Giáo viên chấm bài 2
(Họ tên và chữ ký)

Ngày Tháng Năm

KHOA